

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/DS - PT
Ngày: 26 - 6 - 2024
V/v tranh chấp: Đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh
Ông Lại Văn Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp: “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/TCDS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 244/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1975 và chị Phạm Thị T, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N tỉnh Nam Định. Có mặt

- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn H2, địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N tỉnh Nam Định. Vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 (là bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện; Bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh X và chị Phạm Thị T trình bày: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh X và chị Phạm Thị T có một mảnh đất có diện tích 120m² tại thửa đất số 885, tờ bản đồ số 1a, địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009. Nguồn gốc mảnh đất là do anh chị nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Trần Văn Đ và bà Phạm Thị X1. Năm 2015, gia đình bà Nguyễn Thị H1 và ông Hoàng Văn H là người cùng xóm sang mượn gia đình anh chị phần đất phía Nam là 1,1m phía Tây là 9,8m; tổng diện tích cho mượn là 10,78m² để làm ngõ đi tạm cưới con (có giấy biên nhận mượn đất). Nay gia đình anh chị có nhu cầu sử dụng nên đã yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 trả lại phần đất đã mượn cho gia đình anh chị nhưng gia đình ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 không trả. Nay anh chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, buộc vợ chồng ông H, bà H1 phải trả lại 10,78 m² đất cho gia đình anh chị.*

** Bị đơn ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 cùng thống nhất trình bày: Mảnh đất của ông bà đang sử dụng có nguồn gốc do bố ông H là ông Nguyễn Văn H3 tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông bà còn gia đình anh X, chị T là nhận chuyển nhượng từ ông Đ và bà X1. Lối đi hiện tại của gia đình ông bà có nguồn gốc từ đời bố đẻ ông H là ông H3 đã có ngõ đi như vậy; ngõ đi rất rộng xe ô tô có thể đi vào. Năm 2015, nhà nước có nâng đường quốc lộ 56 trước nhà ông bà nên ông bà có mượn xây bờ rào xây bằng bê tông dài khoảng 20cm để đổ cát cho khỏi chảy sang đất nhà anh X, chị T. Gia đình anh X, chị T cũng nhất trí ký tên để cho mượn bờ rào cho cát khỏi lã, sau đó ông bà đổ bê tông để làm ngõ đi. Nội dung giấy biên nhận xin mượn đất do anh X nộp không đúng với nội dung hai bên đã thỏa thuận. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ, bà X1 cho anh X chị T gia đình ông bà không được biết. Khi chính quyền xuống đo thì ông bà cũng không có mặt chứng kiến. Do đó ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh X, chị T.*

** Người làm chứng ông Hoàng Văn H2 trình bày: Ngày 12/10/2015 ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 chủ động xin được một phần đất của ông bà X, T làm ngõ đi vào vì ngõ nhà ông bà H, H1 rất hẹp chỉ rộng khoảng 1,5m. Khi đó ông X vắng nhà nên bà T là vợ có nhờ ông viết giúp biên bản; theo đó bà T cho ông H, bà H1 mượn đất. Ông*

không là người trực tiếp đo đất mà chỉ viết biên bản theo nội dung bên cho mượn đất và bên xin mượn đất đã thống nhất với nhau; vì ông X và bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số đo kích thước cụ thể nên đã xác định được rõ mô hình và kích thước cụ thể. Khi ghi biên bản xong hai bên đã đọc lại biên bản cùng nghe và thống nhất, nếu bên mượn đất sai phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi bên cho mượn đất có nhu cầu xây dựng thì bên mượn đất phải

trả lại phần đất đã mượn đúng như thoả thuận tại biên bản. Biên bản bà H1 ký tại nhà ông Nguyễn Văn C sau đó bà H1 cầm biên bản về cho ông Hoàng Văn H ký và bà H1 đưa trả lại biên bản cho bà T. Khi ký kết hai bên đều vui vẻ phần khởi nhất là gia đình bà H1 được bà T cho mượn đất. Việc ký kết hoàn toàn tự nguyện không bị xúi giục ép buộc và không có ý kiến gì.

* *Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản thể hiện:* Khu vực đang tranh chấp đã đổ bê tông và kè bờ ao. Diện tích tranh chấp là 10,7m² trong đó kích thước chiều D là 1,08m, chiều B là 9,80m. Giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 13.500.000 đồng/m². Giá trị đường bê tông là 1.500.000 đồng (bê tông đổ mặt đường tại phần đất đang tranh chấp).

* Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/TCDS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh X và chị Nguyễn Thị T1, buộc ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả lại quyền sử dụng đất diện tích là 10,7 m² (trong đó chiều bắc nam là 9,8m, chiều đông tây là 1,08m) tại địa chỉ: Xóm C, xã N, xã N, tỉnh Nam Định theo giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi (ngõ đi vào nhà) lập ngày 12/10/2015.

2. Anh Nguyễn Thanh X và chị Nguyễn Thị T1 phải bồi thường các tài sản hiện có trên đất cho Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 25 tháng 12 năm 2023, ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 có kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Vì nguyên đơn khởi kiện ông bà là không đúng sự thật, diện tích đất của nguyên đơn vẫn đang là thừa so với sổ đỏ được cấp; ông Hoàng Văn H2 viết đơn không đúng với sự thật, gia đình ông T2 đi chung ngõ với gia đình ông bà.

* Tại phiên tòa:

- Ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đều có quan điểm trình bày: Ông, bà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trong đơn, mong HĐXX cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông, bà có mượn đất của anh X, chị T1 nhưng chỉ là mượn xây bờ bờ; đúng anh Hoàng Văn H2 là người viết giấy mượn hộ nhưng viết không đúng sự thật. Ông, bà không mượn đất có chiều 1,1m + 9,8m như biên bản ghi. Sau khi anh H2 viết xong giấy biên nhận thì bà H1 là người ký sau đó mang giấy về cho ông H ký rồi đưa lại cho chị T1. Tòa

án huyện N giải quyết ông, bà không có đề nghị đi giám định chữ viết, chữ ký tại giấy mượn đất. Tại cấp phúc thẩm ông, bà cũng đã được nghe giải thích, đã rõ quyền và nghĩa vụ nhưng cũng không có đề nghị Tòa án đi giám định chữ viết, chữ ký tại giấy mượn đất. Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Thanh X và chị Nguyễn Thị Tuyết g nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

- Đại diện VKS trình bày quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án cấp phúc thẩm và xem xét đơn kháng cáo của ông H, bà H1, VKSND tỉnh Nam Định thấy rằng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất 885, tờ bản đồ số 1a của anh Nguyễn Thanh X và chị Phạm Thị T là nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Đ, bà Phạm Thị X1 diện tích 120m². Ngày 27/11/2009 anh X, chị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó thể hiện kích thước chiều cạnh. Đối chiếu với kết quả xem xét thẩm định thì hiện trạng đang sử dụng của gia đình anh X, chị T diện tích bị thiếu so với Giấy chứng nhận được cấp. Phần diện tích nằm ở phía Đông giáp thổ ông N đã được xây dựng công trình kiên cố, không có tranh chấp do đó diện tích đất bị thiếu nằm về phía Tây của thửa đất. So sánh với kết quả xem xét, thẩm định thì phần diện tích tranh chấp là tương đối phù hợp với diện tích đất hộ anh X, chị T đang bị thiếu. Giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi lập ngày 12/10/2015 bà H1, ông H có ký tên vào giấy. Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà H1 không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký trong văn bản. Người làm chứng là ông Hoàng Văn H2 có lời khai thể hiện việc mượn đất của ông H, bà H1 là có thật; được lập thành văn bản do ông H2 trực tiếp viết ngày 12/10/2015. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà H1 phải trả lại cho anh X, chị T 10,7m² đất ngõ đã mượn là phù hợp với thực tế. Đối với phần công trình trên diện tích đất 10,7m²: Do anh X, chị T đồng ý cho mượn đất nên vợ chồng ông H, bà H1 mới đổ bê tông để làm ngõ đi tạm; vợ chồng ông H, bà H1 không có lỗi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh X, chị T phải bồi thường cho ông H, bà H1 1.500.000 đồng là giá trị đường bê tông đã đổ trên diện tích 10,7m² là đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Do đó, kháng cáo của vợ chồng ông H, bà H1 không có cơ sở xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2023/TCDS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 làm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Thửa đất số 885 tờ bản đồ số 1a, địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có diện tích là 120m^2 , đứng tên hộ ông Nguyễn Thanh X; thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP358328 ngày 27/11/2009. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP358328 thể hiện thửa đất có chiều dài các cạnh Đông, Tây dài 9,8m; cạnh Bắc, Nam dài 12,2m và tổng diện tích là 120m^2 ; cạnh phía Nam của ngõ đi vào thổ Xuyền có chiều dài 1,5m.

Theo kết quả xem xét thẩm định thì hiện trạng của thửa đất số 885 tờ bản đồ số 1a, địa chỉ: Xóm C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định có diện tích là $108,9\text{m}^2$ và có các cạnh Đông, Tây dài 9,8m; cạnh Bắc dài 11,5m còn cạnh Nam dài 10,7m; cạnh phía Nam của ngõ đi thể hiện vào thổ T3 có chiều dài 2,66m

2.2. Xét thấy, cạnh phía Đông giáp với thổ ông N (Nhắm) đã được xây dựng công trình kiên cố, có ranh giới, không có tranh chấp. Cạnh phía Nam giáp đường E. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định phần diện tích tranh chấp đang bị thiếu nằm về phía Tây của thửa đất là có căn cứ được chấp nhận.

2.3. Mặt khác, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự giao nộp thể hiện: Tại “*Giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi (ngõ đi vào nhà)*” được lập ngày 12-10-2015, tại nhà ông Nguyễn Văn C do ông Hoàng Văn H2 là người viết giấy thể hiện nội dung: Nay do điều kiện đi vào nhà ông bà H và bà X1 phía giáp đường quốc lộ 37. Ngõ gia đình ông bà H quá hẹp 1,5m chiều ngang. Gia đình ông bà H có đặt vấn đề xin với vợ chồng anh X, bà T mượn tạm một phần đất ở của vợ chồng anh X, T để mở rộng ngõ để đi tạm trong một thời gian khi nào vợ chồng anh X, chị T làm nhà thì gia đình ông bà H phải trả lại diện tích đã mượn.... Giấy biên nhận mượn tạm đất mở ngõ này làm cơ sở pháp lý sau này. Đã thông qua cho 2 bên nghe và đi đến thống nhất. Cụ thể diện tích mượn có số đo là: Rộng 1,1m x dài 9,8m = $10,78\text{m}^2$. Giấy biên nhận có chữ ký của người viết giấy là Hoàng Văn H2, chủ thửa đất Phạm Thị T và bên mượn đất để mở ngõ ghi “*Gia đình ông (bà) H, vợ là H1*” ký ghi rõ họ tên.

2.4. Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, cả nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giám định chữ ký tại “*Giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi (ngõ đi vào nhà)*”. Các đương sự không có ai có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập.

2.5. Người làm chứng là ông Hoàng Văn H2 có có quan điểm: Việc mượn đất của ông H và bà H1 là có thật, được lập thành văn bản do ông Hoàng Văn H2

trực tiếp viết ngày 12/10/2015; bà H1 ký tại nhà ông Nguyễn Văn C sau đó cầm biên bản về đưa cho ông H ký.

[3] Tại phiên tòa, ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đều có quan điểm trình bày: Ông, bà có mượn đất của anh X, chị T nhưng chỉ là mượn xây bờ bờ. Đúng anh Hoàng Văn H2 là người viết giấy mượn hộ nhưng viết không đúng sự thật. Sau khi anh H2 viết xong giấy biên nhận thì bà H1 là người ký sau đó mang giấy về cho ông H ký rồi đưa lại cho chị T. Ông H, bà H1 cũng không có đề nghị Tòa án đi giám định chữ viết, chữ ký tại giấy mượn đất.

[4] Như vậy, có căn cứ xác định ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 đã mượn đất tạm để đi của anh Nguyễn Thanh X và chị Nguyễn Thị T1 thông qua “*Giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi (ngõ đi vào nhà)*”. Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và “*Giấy biên nhận xin mượn đất tạm để đi (ngõ đi vào nhà)*” thì có đủ cơ sở xác định diện tích hiện trạng sử dụng đất của hộ anh X, chị T1 đang bị thiếu là phần đất ông H, bà H1 đã mượn của anh X, chị T1 để làm ngõ đi tạm.

[5] Tại cấp phúc thẩm, các đương sự cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: “2. *Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “... 4. *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”

Do vậy, kháng cáo của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1 là không có căn cứ nên không được chấp nhận

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự có kháng cáo phải nộp án phí theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông H và bà H1 thuộc diện người cao tuổi nên cần xem xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H, bà H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2023/TCDS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC - VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS h. Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Minh Hồng